Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7325.10.20

Mã HS	7325.10.20
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm đúc khác bằng sắt hoặc thép / - Bằng gang đúc không dẻo: / - - Nắp cống, lưới che cống và khung của chúng
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 23:23:16
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/73251020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11948
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11948
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11948
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11306
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11249
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11249
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11249
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11249
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11249
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11249
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E11301
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11301

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11301
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11301
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11301
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11301
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11302
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11302
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11302
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11302
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11302
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11302
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11305
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11255
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11261
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11261
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11261
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11261
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11261
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11261
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11292
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11292
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11292
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11292
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11292
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11292
VCFTA	2022	2022	4	VC!D11339
VCFTA	2023	2023	2	VC!E11339

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11339
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11339
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11339
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11339
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11324
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11324
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11324
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11324
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11324
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11324
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D11324
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E11324
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F11324
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G11324
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H11324
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11324
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D11341
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E11341
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F11341
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11341
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11341
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11341
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D11340
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E11340
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F11340
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11340

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11340
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11340
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11287
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11287
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11287
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11287
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11287
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11287
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11287
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11324
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11324
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11324
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11324
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11324
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11324
RCEP B	2022	2022	0	B!D11324
RCEP B	2023	2023	0	B!E11324
RCEP B	2024	2024	0	B!F11324
RCEP B	2025	2025	0	B!G11324
RCEP B	2026	2026	0	B!H11324
RCEP B	2027	2027	0	B!I11324
RCEP C	2022	2022	0	C!D11324
RCEP C	2023	2023	0	C!E11324
RCEP C	2024	2024	0	C!F11324
RCEP C	2025	2025	0	C!G11324
RCEP C	2026	2026	0	C!H11324

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11324
RCEP D	2022	2022	0	D!D11323
RCEP D	2023	2023	0	D!E11323
RCEP D	2024	2024	0	D!F11323
RCEP D	2025	2025	0	D!G11323
RCEP D	2026	2026	0	D!H11323
RCEP D	2027	2027	0	D!I11323
RCEP E	2022	2022	0	E!D11327
RCEP E	2023	2023	0	E!E11327
RCEP E	2024	2024	0	E!F11327
RCEP E	2025	2025	0	E!G11327
RCEP E	2026	2026	0	E!H11327
RCEP E	2027	2027	0	E!I11327
RCEP F	2022	2022	0	F!D11324
RCEP F	2023	2023	0	F!E11324
RCEP F	2024	2024	0	F!F11324
RCEP F	2025	2025	0	F!G11324
RCEP F	2026	2026	0	F!H11324
RCEP F	2027	2027	0	F!I11324
VIFTA	2024	2024	17,1	VI!F10489
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G10489
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H10489
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I10489

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7325.10 có 3 dòng thuế; dòng 7325.10.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Nắp cống, lưới che cống và khung của chúng.	7325.10.30 Máng và chén để thu mủ cao su; 7325.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7325.10.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 7325.10.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11948), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.